

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CỦA SACOMBANK.....	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA SACOMBANK.....	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	10
CHƯƠNG V. CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG, CỔ PHIẾU, PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
CHƯƠNG VII. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC	29
CHƯƠNG VIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA SACOMBANK	55
CHƯƠNG IX. CỔ TỨC	55
CHƯƠNG X. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	57
CHƯƠNG XI. BÁO CÁO HÀNG NĂM, CÔNG KHAI BÁO CÁO.....	59
CHƯƠNG XII. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG.....	60
CHƯƠNG XIII. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ.....	60
CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	61
CHƯƠNG XV. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	62
CHƯƠNG XVI. NGÀY HIỆU LỰC, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	62

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (sau đây gọi tắt là SACOMBANK/Ngân hàng) là Ngân hàng Thương mại Cổ phần được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của SACOMBANK thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026.

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:

- a) “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);
- b) “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);
- c) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng;
- d) “Ngân hàng Nhà nước/NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- e) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của SACOMBANK đã bán cho cổ đông;
- g) “Vốn pháp định” là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập tổ chức tín dụng;
- h) “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà SACOMBANK được Ngân hàng nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- i) “Địa bàn hoạt động” là phạm vi địa lý mà tại đó SACOMBANK được thiết lập mạng lưới hoạt động theo quy định của pháp luật;
- j) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của SACOMBANK được quy định tại khoản 9 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của SACOMBANK thông qua bằng Nghị quyết và phải được NHNNVN chấp thuận theo quy định pháp luật;
- k) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

- l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần của SACOMBANK;
 - m) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của SACOMBANK;
 - n) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SACOMBANK bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp;
 - o) “Cổ phần” là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
 - p) “Cổ phiếu” là chứng chỉ do SACOMBANK phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của SACOMBANK;
 - q) “Sổ đăng ký Cổ đông” có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;
 - r) “Người điều hành Ngân hàng” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh.
 - s) “Người quản lý Ngân hàng” bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
 - t) “Người có liên quan” của một tổ chức, cá nhân là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân đó thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật;
 - u) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;
 - v) “Tổ chức lại Ngân hàng”: Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
 - w) “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của SACOMBANK thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ;
 - x) “Công ty liên kết” là công ty mà SACOMBANK hoặc SACOMBANK và người có liên quan của SACOMBANK sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của SACOMBANK;
 - y) “Công ty con” là công ty thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. THÔNG TIN CỦA SACOMBANK

Điều 2. Thông tin của SACOMBANK

SACOMBANK được phép thành lập theo sự chấp thuận của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. SACOMBANK có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật theo một trong hai chức danh này trong từng thời kỳ.

Người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành SACOMBANK đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

SACOMBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Ngân hàng Nhà nước thông báo người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định của Khoản này mà người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK trở lại làm việc tại SACOMBANK hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc

làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK.

3. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: SAI GON THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SACOMBANK
Tên giao dịch: SACOMBANK
Trường hợp SACOMBANK thay đổi tên Ngân hàng và được NHNN VN chấp thuận, Tên Ngân hàng mới được NHNN VN chấp thuận được xem là sửa đổi bổ sung Điều khoản này.

4. Trụ sở chính đặt tại : 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (+84 28) 38469516
Fax : (+84 28) 39320424
Email : info@Sacombank.com
Trang web : www.sacombank.com.vn
SWIFT code : SGTTVNVX

Trường hợp SACOMBANK thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính (bao gồm trường hợp thay đổi do điều chỉnh địa giới hành chính) và được NHNNVN chấp thuận hoặc quyết định sửa đổi bằng văn bản, Địa chỉ trụ sở chính theo văn bản của NHNNVN được xem là sửa đổi bổ sung Điều khoản này.

5. Địa chỉ, tên gọi của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con được ghi theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.
6. Vốn Điều lệ là 18.852.157.160.000 đồng (Mười tám ngàn tám trăm năm mươi hai tỷ một trăm năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).
Vốn Điều lệ của SACOMBANK có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của NHNN, của pháp luật về việc thay đổi mức Vốn điều lệ. Số Vốn điều lệ mới sau khi được đăng ký theo quy định của pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung Điều khoản này.
7. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
8. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
9. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm.

10. Địa bàn hoạt động: trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, SACOMBANK có thể hoạt động tại các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nếu được Thống đốc NHNN và chính quyền nước sở tại cho phép.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA SACOMBANK

Điều 3. Mục tiêu của SACOMBANK

1. Mục tiêu của SACOMBANK là lợi nhuận, đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước.
2. Các mục tiêu khác: quyền lợi của Cổ đông, đời sống của nhân viên, lợi ích của khách hàng cùng sự phát triển bền vững lâu dài của SACOMBANK cũng là những mục tiêu của SACOMBANK, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số các mục tiêu này cần được NHNN chấp nhận, thì SACOMBANK chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

SACOMBANK được tiến hành các hoạt động kinh doanh trên cơ sở phù hợp với Điều lệ này, Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật.

Điều 5. Hoạt động ngân hàng

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f) Thư tín dụng;
 - g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá

- 1. SACOMBANK được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 2. SACOMBANK được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 3. SACOMBANK được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- 4. SACOMBANK được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Mở tài khoản

- 1. SACOMBANK phải mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
- 2. SACOMBANK được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- 3. SACOMBANK được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 8. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán

- 1. SACOMBANK được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 2. SACOMBANK được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần

- 1. SACOMBANK chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.

2. SACOMBANK phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. SACOMBANK được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. SACOMBANK được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
5. SACOMBANK thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.
7. SACOMBANK thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
8. SACOMBANK, công ty con của SACOMBANK được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. SACOMBANK được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:
 - a) Ngoại hối;
 - b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh; điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại.
3. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của ngân hàng thương mại cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý

1. SACOMBANK được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. SACOMBANK được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Các hoạt động kinh doanh khác

1. SACOMBANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - e) Kinh doanh vàng;
 - f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.
2. SACOMBANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:
 - a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - b) Phát hành trái phiếu;
 - c) Lưu ký chứng khoán;
 - d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
 - e) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. SACOMBANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Giao dịch điện tử trong hoạt động của SACOMBANK

Hoạt động của SACOMBANK được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 14. Kinh doanh bất động sản

SACOMBANK không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của SACOMBANK.
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của SACOMBANK chưa sử dụng hết.
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, SACOMBANK phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại khoản 2 Điều 67 của Điều lệ này.

Điều 15. Tỷ lệ bảo đảm an toàn

1. SACOMBANK phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
2. SACOMBANK tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải ký quỹ tiền tại Ngân hàng Nhà nước, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Tổng số vốn của SACOMBANK đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của SACOMBANK dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp

vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.

Điều 16. Dự phòng rủi ro

1. SACOMBANK phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.
2. Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
3. Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ. Mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của SACOMBANK thực hiện theo quy định của Chính phủ.
4. Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đối ngoại, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng Nhà nước.
5. Trường hợp SACOMBANK thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được hạch toán vào doanh thu của SACOMBANK.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 17. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của SACOMBANK được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
2. SACOMBANK phải đảm bảo mức Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức Vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a) Mua, đầu tư vào tài sản cố định của SACOMBANK không quá tỷ lệ theo quy định của NHNN;
 - b) Góp vốn, mua Cổ phần theo quy định của NHNN;
 - c) Thành lập Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết theo quy định của pháp luật;
 - d) Cấp tín dụng;
 - e) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Tăng Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của SACOMBANK có thể được tăng từ các nguồn sau:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng; phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
- c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
- d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của SACOMBANK phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được chấp thuận hoặc được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.

Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, SACOMBANK phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn điều lệ mới, đồng thời thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Vốn

Vốn của SACOMBANK gồm:

1. Vốn chủ sở hữu:

- a) Vốn điều lệ của SACOMBANK;
- b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- c) Thặng dư vốn cổ phần;
- d) Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
- e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
- f) Vốn khác thuộc sở hữu của SACOMBANK.

2. Vốn huy động:

- a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành giấy tờ có giá;
- b) Vốn nhận ủy thác đầu tư;
- c) Vốn vay của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;
- d) Vốn vay của Ngân hàng Nhà nước.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG, CỔ PHIẾU, PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 20. Cổ phần, Cổ đông, Mệnh giá Cổ phần, Phát hành trái phiếu

1. SACOMBANK phải có tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.

2. Các loại cổ phần, cổ đông:
 - a) SACOMBANK phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi;
 - b) SACOMBANK có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Mệnh giá 1 (một) Cổ phần của SACOMBANK là 10.000đ (mười nghìn VND).
4. Việc mua lại cổ phần đã phát hành được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Việc thông qua phương án phát hành các loại trái phiếu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

Điều 21. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của SACOMBANK.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của SACOMBANK.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của SACOMBANK. Cổ đông lớn của SACOMBANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
 - b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng.

6. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.
7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Chính phủ quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 22. Cổ phiếu

1. Các nội dung liên quan đến Cổ phiếu thực hiện như sau:
 - a) Cổ phiếu của SACOMBANK phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của SACOMBANK;
 - (ii). Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - (iii). Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - (iv). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - (v). Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK;
 - (vi). Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của SACOMBANK và ngày phát hành cổ phiếu;
 - (vii). Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được SACOMBANK cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - (i). Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (ii). Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
2. Cổ phiếu của SACOMBANK không được sử dụng để cầm cố tại SACOMBANK.
3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, SACOMBANK phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần khi SACOMBANK tăng vốn điều lệ.

Điều 23. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại Cổ phần của cổ đông

1. Chào bán cổ phần:

- a) Chào bán cổ phần là việc SACOMBANK tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - (i) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - (ii) Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - (iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- b) Việc Chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán;
- c) SACOMBANK thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

- a) Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại SACOMBANK là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SACOMBANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại SACOMBANK.
- b) Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - (iii) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
- c) Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- 3. SACOMBANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đồng

Các nội dung liên quan đến Sổ đăng ký Cổ đồng thực hiện như sau:

1. SACOMBANK phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đồng từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Sổ đăng ký cổ đồng phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của SACOMBANK;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Thông tin của cổ đồng theo quy định của pháp luật;
 - e) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
3. Sổ đăng ký cổ đồng được lưu giữ tại trụ sở chính của SACOMBANK hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đồng.
4. Trường hợp Cổ đồng chưa lưu ký cổ phiếu khi thay đổi thông tin phải thông báo kịp thời tới SACOMBANK để cập nhật thông tin vào sổ đăng ký cổ đồng. Trường hợp Cổ đồng đã lưu ký cổ phiếu khi thay đổi thông tin phải cập nhật thông tin thay đổi với thành viên lưu ký. SACOMBANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đồng do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đồng.
5. Sau khi niêm yết cổ phiếu, việc lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Quyền của Cổ đồng phổ thông

1. Cổ đồng phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật và/hoặc Điều lệ này quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận Cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng;
 - c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đồng trong SACOMBANK;
 - d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đồng khác của SACOMBANK hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
 - e) Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đồng có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản;
 - h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;
 - j) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp SACOMBANK có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được quy định tại Điều lệ này;
 - k) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do SACOMBANK công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu đủ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và 01 ứng cử viên vào Ban Kiểm soát; mỗi 05% cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu tăng thêm được quyền đề cử thêm 01 ứng cử viên tương ứng nhưng tổng số ứng cử viên được đề cử không vượt quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cần bầu.
- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.

2. Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông SACOMBANK là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông SACOMBANK không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho SACOMBANK và chỉ có hiệu lực đối với SACOMBANK kể từ ngày SACOMBANK nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

Điều 26. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông của SACOMBANK phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số Cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do SACOMBANK quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SACOMBANK trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào SACOMBANK;
- b) Không được rút vốn Cổ phần đã góp ra khỏi SACOMBANK dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ của SACOMBANK, trừ trường hợp quy định tại Điều 23 của Điều lệ này;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SACOMBANK; không sử dụng nguồn vốn do SACOMBANK cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SACOMBANK; không được góp vốn, mua cổ phần của SACOMBANK dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của SACOMBANK;
- e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh SACOMBANK dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- g) Bảo mật thông tin được SACOMBANK cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được SACOMBANK cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- h) Đăng ký địa chỉ nhận thư, email và các thông tin liên lạc khác (nếu có); cập nhật khi có thay đổi để nhận các thông tin, tài liệu, thông báo từ SACOMBANK, bao gồm nhưng không giới hạn các thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các tài liệu liên quan khác.
- i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cổ đông lớn:

- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của SACOMBANK, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho SACOMBANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong SACOMBANK. SACOMBANK có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của SACOMBANK.
2. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của SACOMBANK;
 - b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SACOMBANK;
 - c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
 - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho SACOMBANK và Cổ đông của SACOMBANK;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của SACOMBANK;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua phương án mua lại Cổ phần đã bán;
 - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k) Thông qua phương án quy định tại Điều 143 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của SACOMBANK;
 - m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của SACOMBANK;
 - o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SACOMBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SACOMBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SACOMBANK với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SACOMBANK; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của SACOMBANK; công ty con, công ty liên kết của SACOMBANK, trừ trường hợp ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;
- s) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 72 của Điều lệ này.
- t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của SACOMBANK.

Điều 28. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của SACOMBANK;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của SACOMBANK, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của SACOMBANK;

- b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng.
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho SACOMBANK.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho SACOMBANK.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đại diện SACOMBANK triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm f khoản 3 Điều này thực hiện tương tự theo các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này ngoại trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước có hướng dẫn khác.
9. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 8 của Điều này sẽ được SACOMBANK hoàn lại.

Điều 29. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của SACOMBANK. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. SACOMBANK phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm l khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến SACOMBANK chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- 4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 31. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc (địa chỉ địa lý/email/điện thoại,...) của cổ đông (bao gồm một trong các phương thức gửi thư điện tử, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc phương thức phù hợp khác theo quy định của SACOMBANK từng thời kỳ); và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của SACOMBANK. Việc gửi thông báo mời họp bằng phương thức điện tử nêu trên và cách thức thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- 3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết.
- 4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SACOMBANK. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 32. Tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm c khoản này;

- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- (i). Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii). Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii). Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;
 - (iv). Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - (v). Gửi phiếu biểu quyết bằng phương thức khác theo quy định tại Điều lệ này.
- Trường hợp Cổ đông gửi phiếu biểu quyết theo phương thức nêu tại tiết (iv) và (v) thì Cổ đông chỉ được coi là biểu quyết khi Phiếu biểu quyết được gửi đến SACOMBANK (có văn bản xác nhận đã nhận của SACOMBANK/Chủ tọa cuộc họp) trước thời điểm kiểm phiếu.

2. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này.

3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

- a) Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- (i). Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành

viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- (ii). Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - (iii). Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - (iv). Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- c) Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- d) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- e) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- f) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
- g) Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- (i). Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - (ii). Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- h) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- (i). Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (ii). Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (iii). Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- i) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm h Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự

hợp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:

- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c, d, e khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
- c) Đối với quyết định về nội dung quy định tại các điểm h, p khoản 2 Điều 27 thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
- d) Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 2 Điều 27 thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- e) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- f) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SACOMBANK;
- g) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
- h) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- i) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quyết định về nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 2 Điều 27 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định như sau:
- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của SACOMBANK trừ các trường hợp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.
- b) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 29 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này;
- c) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (iv). Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (v). Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi). Thời hạn phải gửi về SACOMBANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến SACOMBANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau:
- (i). Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về SACOMBANK phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii). Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về SACOMBANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - (iii). Các phiếu lấy ý kiến gửi về SACOMBANK sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- e) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý SACOMBANK.
- Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (ii). Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- (iii). Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- (iv). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (v). Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (vi). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- f) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SACOMBANK;
- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của SACOMBANK;
- h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định như sau:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii). Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv). Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v). Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi). Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

(viii). Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

(ix). Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;

c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp (theo một trong các phương thức gửi như gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của SACOMBANK trong thời hạn hai mươi bốn giờ, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông không ghi nhận kết quả kiểm phiếu thì biên bản kiểm phiếu phải đăng tải lên trang thông tin điện tử của SACOMBANK.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SACOMBANK.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, SACOMBANK phải gửi đến NHNN tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm I khoản 1 Điều 25 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII.
CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh SACOMBANK để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của SACOMBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành Ngân hàng.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SACOMBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các tổ chức tín dụng.
5. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của SACOMBANK, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
7. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của SACOMBANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
8. Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.
9. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng

quản trị quyết định quyền hạn, nhiệm vụ của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 37. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát của SACOMBANK có tối thiểu 05 thành viên.
3. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SACOMBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.
4. Ban kiểm soát có Bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần trong một năm. Số lượng thành viên Ban kiểm soát tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần làm rõ.

Điều 38. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của SACOMBANK, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

3. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc và các chức danh khác theo phân quyền - ủy quyền của Tổng giám đốc.

Điều 39. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc:
 - a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SACOMBANK, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 36 của Điều lệ này;
 - f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng giám đốc công ty con của SACOMBANK:
 - a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

- e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc SACOMBANK và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của SACOMBANK.

Điều 40. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của SACOMBANK không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của SACOMBANK và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập của SACOMBANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành SACOMBANK, trừ trường hợp là Tổng giám đốc SACOMBANK;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của SACOMBANK hoặc của công ty mẹ của SACOMBANK hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của SACOMBANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành SACOMBANK;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
4. Thành viên Ban kiểm soát của SACOMBANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

- a) Người quản lý, người điều hành SACOMBANK, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của SACOMBANK hoặc công ty con của SACOMBANK;
 - b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của SACOMBANK là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của SACOMBANK hoặc của công ty mẹ của SACOMBANK.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của SACOMBANK

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - c) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
 - d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý SACOMBANK;
 - e) Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SACOMBANK trong 03 năm liền trước đó;
 - f) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

- c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty con phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều lệ này; đối với Phó Tổng giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;
 - b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không phải là người đang làm việc cho SACOMBANK hoặc Công ty con của SACOMBANK hoặc đã làm việc cho SACOMBANK hoặc Công ty con của SACOMBANK trong 03 năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SACOMBANK, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.
3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của SACOMBANK, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của SACOMBANK hoặc Công ty con của SACOMBANK.
4. Không đại diện sở hữu cổ phần của SACOMBANK; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SACOMBANK.

5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SACOMBANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 43. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SACOMBANK:
 - a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 39 của Điều lệ này
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của SACOMBANK khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
 - f) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực.
 - g) Chết.
2. Hội đồng quản trị của SACOMBANK phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d, f, g khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
 - a) Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát;
 - c) Trong trường hợp Tổng giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa có người thay thế, Hội đồng quản trị được quyền bổ nhiệm Quyền Tổng giám đốc hoặc cử ngay một Thành viên Hội đồng quản trị (không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc Phó Tổng giám đốc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc để đảm bảo SACOMBANK hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước. Người được bổ nhiệm, Người được cử thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SACOMBANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 44. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 43 của Điều lệ này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của SACOMBANK bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SACOMBANK;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;
 - d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 42 và khoản 3 Điều 40 của Điều lệ này;
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của SACOMBANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của SACOMBANK phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật, trong đó:
 - a) Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế;
 - b) Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế.

Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa có người thay thế, Hội đồng quản trị được quyền bổ nhiệm Quyền Tổng giám đốc hoặc cử ngay một Thành viên Hội đồng quản trị (không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc Phó Tổng giám đốc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc để đảm bảo SACOMBANK hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà

nước. Người được bổ nhiệm, Người được cử thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

Điều 45. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người điều hành

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành SACOMBANK vi phạm quy định tại Điều 40, khoản 10 Điều 48 của Điều lệ này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41, 42 của Điều lệ này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 46. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SACOMBANK phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SACOMBANK phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.
2. SACOMBANK phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

Điều 47. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc phải cung cấp cho SACOMBANK các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK phải cung cấp cho SACOMBANK các thông tin sau đây:
- a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SACOMBANK;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SACOMBANK.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi SACOMBANK bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SACOMBANK khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK so với lần cung cấp liền trước.
4. SACOMBANK phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của SACOMBANK và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SACOMBANK nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, SACOMBANK công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của SACOMBANK.
5. SACOMBANK phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SACOMBANK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SACOMBANK nhận được thông tin cung cấp.

6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SACOMBANK, cổ đông.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SACOMBANK, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SACOMBANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SACOMBANK, cổ đông của SACOMBANK.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của SACOMBANK theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của SACOMBANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SACOMBANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của SACOMBANK.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SACOMBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SACOMBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SACOMBANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SACOMBANK.
9. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi SACOMBANK bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của SACOMBANK.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa SACOMBANK, công ty con, công ty do SACOMBANK nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, SACOMBANK phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 50. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:
 - a) SACOMBANK có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - b) Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - (i). Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - (ii). Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

- (iii). Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của SACOMBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SACOMBANK và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - e) Thù lao và các khoản lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị được công khai theo quy định của pháp luật.
2. Tiền lương, Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:
- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Thù lao hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát không vượt quá tổng mức Ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của SACOMBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SACOMBANK;
 - d) Thù lao và các khoản lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của SACOMBANK.
3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này.
4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SACOMBANK.

5. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, Công ty con và Ngân hàng con của SACOMBANK.
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
7. Cử người đại diện phần vốn góp của SACOMBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
8. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SACOMBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
9. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SACOMBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ (i) trường hợp Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại khoản 4 Điều 60 Điều lệ này (ii) khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
10. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SACOMBANK với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SACOMBANK; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của SACOMBANK; công ty con, công ty liên kết của SACOMBANK.
12. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trừ trường hợp Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại khoản 5 Điều 60 Điều lệ này.
13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
14. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của SACOMBANK phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các quy định này là cơ sở

xác định quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Ủy ban, hội đồng và các Đơn vị thuộc SACOMBANK.

15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SACOMBANK.
16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SACOMBANK.
19. Quyết định mua lại cổ phần của SACOMBANK theo phương án được duyệt.
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
25. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến SACOMBANK.
26. Có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
27. Ban hành các văn bản dưới hình thức phù hợp về phân cấp, giới hạn để Tổng giám đốc điều hành trong các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư, xử lý nợ, mua, bán tài sản, các vấn đề khác liên quan đến nghĩa vụ tài chính của SACOMBANK.

28. Quyết định miễn, giảm lãi, phí của các khoản nợ xấu; nợ cơ cấu; và các khoản nợ, khoản phải thu tồn đọng thuộc Đề án tái cơ cấu SACOMBANK sau sáp nhập theo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành.
29. Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu phù hợp quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
30. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của SACOMBANK.

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
8. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
9. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của SACOMBANK.

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ này, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SACOMBANK và của các đơn vị trong SACOMBANK.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SACOMBANK và Cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành SACOMBANK, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 3, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 20 Điều 51 Điều lệ này.
7. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
8. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của SACOMBANK.

10. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SACOMBANK theo quy định của pháp luật.
11. SACOMBANK có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.
12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của SACOMBANK.

Điều 54. Hợp Hội đồng quản trị

1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;
 - b) Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của SACOMBANK hoặc ở những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (i). Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - (ii). Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - (iii). Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - (iv). Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - (v). Các trường hợp khác do pháp luật quy định.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại SACOMBANK.
 - e) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SACOMBANK, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 5 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
5. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận ngoại trừ các trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 Điều 53 Điều lệ này.
6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 55. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định như sau:
 - a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iii). Thời gian, địa điểm họp;
 - (iv). Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v). Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi). Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii). Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii). Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix). Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này.

Chủ tọa, người ghi biên bản và người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại tiết (i) đến tiết (viii) điểm a Khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với SACOMBANK do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
 - c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SACOMBANK.
2. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 56. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

2. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SACOMBANK;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SACOMBANK;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về SACOMBANK theo quy định.
5. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SACOMBANK;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

Trường hợp SACOMBANK chưa có thành viên độc lập Hội đồng quản trị, khi Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thì Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát.
6. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SACOMBANK.
9. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SACOMBANK trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của SACOMBANK về kế toán, báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành SACOMBANK, có quyền sử dụng các nguồn lực của SACOMBANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của SACOMBANK; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SACOMBANK thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SACOMBANK khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của SACOMBANK.
8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành SACOMBANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SACOMBANK, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SACOMBANK, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

14. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 72 Điều lệ này.

15. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 58. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 57 của Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 11 Điều 57 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm

soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SACOMBANK và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành SACOMBANK.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của SACOMBANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của SACOMBANK và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
8. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của SACOMBANK theo những thông lệ quản lý tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
3. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SACOMBANK và/hoặc các vấn đề trong giới hạn Hội đồng quản trị quy định mà không cần phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của SACOMBANK.
4. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SACOMBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ

trường hợp Hội đồng quản trị quy định một tỷ lệ khác thấp hơn. Đối với hoạt động cấp tín dụng, xử lý nợ thì thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

5. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của SACOMBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trừ trường hợp Hội đồng quản trị quy định một tỷ lệ khác thấp hơn.
6. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
7. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
8. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
9. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của SACOMBANK.
10. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
11. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của SACOMBANK trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
12. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SACOMBANK theo phân cấp của Hội đồng quản trị, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
14. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh SACOMBANK theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của SACOMBANK.
15. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của SACOMBANK.
16. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp và các quyền lợi khác của người lao động theo thẩm quyền và theo đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

17. Quyết định cơ cấu tổ chức của Đơn vị nghiệp vụ ngân hàng.

18. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của SACOMBANK theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với SACOMBANK và quyết định của Hội đồng quản trị.

19. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của SACOMBANK.

CHƯƠNG VIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA SACOMBANK

Điều 61. Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại của SACOMBANK

1. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, SACOMBANK được thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.
2. Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của SACOMBANK đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Điều 62. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của SACOMBANK bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc.

Điều 63. Tổ chức lại Ngân hàng

Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG IX. CỔ TỨC

Điều 64. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của SACOMBANK. SACOMBANK chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) SACOMBANK đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ SACOMBANK;
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, SACOMBANK vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của SACOMBANK hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
- Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp SACOMBANK đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, SACOMBANK không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền SACOMBANK đã chuyển cho cổ đông này.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi cho cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức theo một trong các phương thức như gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của SACOMBANK;
 - b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của SACOMBANK.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ SACOMBANK.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, SACOMBANK không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, 124, 125 Luật Doanh nghiệp. SACOMBANK phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

7. Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của SACOMBANK.

CHƯƠNG X.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 65. Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ:

- a) SACOMBANK phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ SACOMBANK;
- b) Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của SACOMBANK; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SACOMBANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;
- c) Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SACOMBANK.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a) Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SACOMBANK và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.
- b) SACOMBANK phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - (i). Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - (ii). Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - (iii). Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ;
 - (iv). Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của SACOMBANK;
 - (v). Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
 - (vi). Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho SACOMBANK.
- c) Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu SACOMBANK thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.
- d) SACOMBANK xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 66. Chế độ tài chính

1. SACOMBANK tự chủ về tài chính.
2. Chế độ tài chính của SACOMBANK được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt và ban hành Quy chế tài chính của Ngân hàng để làm căn cứ thực hiện.

Điều 67. Sử dụng Vốn

1. SACOMBANK được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. SACOMBANK được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.
3. SACOMBANK được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Quỹ dự trữ

1. Hàng năm, SACOMBANK phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của SACOMBANK;
 - b) Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
2. SACOMBANK quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán

1. SACOMBANK thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. Năm tài chính của SACOMBANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.
3. SACOMBANK lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của SACOMBANK.
4. SACOMBANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

5. Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính được phản ánh trên sổ sách, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán bằng đồng Việt Nam. Trong trường hợp đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, phải quy đổi ra đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XI.

BÁO CÁO HÀNG NĂM, CÔNG KHAI BÁO CÁO

Điều 70. Báo cáo

1. SACOMBANK phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê.
2. SACOMBANK phải báo cáo các hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật
3. SACOMBANK phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. SACOMBANK công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của SACOMBANK.
5. SACOMBANK phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
6. SACOMBANK phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. SACOMBANK lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.
8. Ngoài các báo cáo theo quy định tại Điều này, SACOMBANK có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của SACOMBANK;
 - b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của SACOMBANK; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;

- c) Thay đổi tên chi nhánh của SACOMBANK; tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.

9. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, SACOMBANK phải gửi báo cáo hàng năm cho NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Công khai báo cáo tài chính

Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, SACOMBANK phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt.

CHƯƠNG XII. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 72. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, SACOMBANK phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, SACOMBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

CHƯƠNG XIII. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ

Điều 73. Phá sản Ngân hàng

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Ngân hàng, Tòa án áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về phá sản.
3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, NHNN thu hồi Giấy phép của Ngân hàng.

Điều 74. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng

1. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động:

- a) Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
- b) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
- c) Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
- d) Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

2. Thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 74 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.
2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của Ngân hàng, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 5 Chương X và Điều 203 của Luật các tổ chức tín dụng.
3. Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

CHƯƠNG XIV.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của SACOMBANK hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định của Điều lệ này, Luật các tổ chức tín dụng, luật Doanh nghiệp, các luật khác, giữa:
 - a) Cổ đông với SACOMBANK;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác.Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XV. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 77. Cung cấp thông tin

1. SACOMBANK cung cấp cho Chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của Chủ tài khoản theo thỏa thuận với Chủ tài khoản.
2. SACOMBANK được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của mình.
3. SACOMBANK có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Khi thực hiện giao dịch với SACOMBANK, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.

Điều 78. Bảo mật thông tin

1. Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của SACOMBANK không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của SACOMBANK.
2. SACOMBANK phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của SACOMBANK theo quy định của Chính phủ.
3. SACOMBANK không được cung cấp thông tin khách hàng của SACOMBANK cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XVI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 79. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 22/4/2026.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý, Người điều hành và chức danh khác của SACOMBANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 36, 37, 39, 40, 41, 42 của Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

Các nội dung liên quan đến cổ đông, cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần, góp vốn, mua cổ phần, nội dung hoạt động, tổ chức hoạt động, quyền và nghĩa vụ của SACOMBANK thực hiện theo các quy định chuyển tiếp quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.

2. SACOMBANK phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, các báo cáo tài chính năm, nghị quyết/biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. Điều lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của SACOMBANK.
3. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của SACOMBANK chưa được đề cập trong Điều lệ này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của SACOMBANK.
4. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của SACOMBANK cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
5. Điều lệ này được lập bằng tiếng Việt và có thể được dịch thuật sang tiếng nước ngoài để phục vụ hoạt động kinh doanh hoặc theo quy định của pháp luật. Trường hợp Điều lệ này được dịch sang ngôn ngữ khác thì bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài có giá trị và hiệu lực như nhau. Trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



DƯƠNG CÔNG MINH